

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Thông nhất phương án vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ và nguồn trả nợ để thực hiện Dự án “Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tỉnh Ninh Thuận”

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN KHÓA XI KỶ HỌP THỨ 24

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023;

Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Chính

phủ về cơ chế tài chính đối với các dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của tỉnh Ninh Thuận theo Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 09 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định 1312/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề xuất Dự án “Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tỉnh Ninh Thuận”, vay vốn IFAD;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về chủ trương đầu tư Dự án “Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tỉnh Ninh Thuận”;

Căn cứ Nghị Quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30 tháng 05 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Phương án vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ và nguồn trả nợ để thực hiện Dự án “Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tỉnh Ninh Thuận”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phương án vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ và nguồn trả nợ để thực hiện Dự án “Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+tỉnh Ninh Thuận”, với các nội dung sau:

I. Thông tin chung của dự án

1. Tên dự án: Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tỉnh Ninh Thuận.

Tên viết tắt: Dự án RECAF Ninh Thuận.

2. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

3. Nhà tài trợ, đồng tài trợ: Quỹ Quốc tế về phát triển nông nghiệp (IFAD) và Quỹ Khí hậu xanh (GCF) hoặc Nhà tài trợ khác.

4. Tổng mức đầu tư: 441,256 tỷ đồng tương đương 19,185 triệu USD.

5. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án:

a) Nhóm dự án: Nhóm B.

b) Loại công trình chính: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp IV.

6. Cơ quan quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

7. Cơ quan thực hiện dự án: Thành lập Ban quản lý dự án điều hành giúp cơ quan quyết định đầu tư thực hiện dự án.

8. Địa điểm thực hiện dự án: tại 23 xã thuộc 4 huyện, gồm: Ninh Sơn, Ninh Hải, Bác Ái và Thuận Bắc.

9. Mục tiêu: Giảm thiểu khí thải do mất rừng và suy thoái rừng thông qua giải quyết các nhân tố trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp, khuyến khích đầu tư chiến lược, hiệu quả nhằm phục hồi và quản lý bền vững diện tích rừng; trao quyền và cải thiện khả năng thích ứng của các cộng đồng và thể chế mục tiêu nhằm cải thiện sinh kế, giảm nghèo trong cộng đồng và ứng phó tốt hơn với biến đổi khí hậu.

10. Quy mô đầu tư:

a) Hợp phần 1: Thúc đẩy chính sách và môi trường thể chế cho việc lập kế hoạch và thực hiện giảm khí thải.

b) Hợp phần 2: Phát triển kinh tế nông thôn không gây mất rừng và thích ứng với biến đổi khí hậu:

c) Hợp phần 3: Quản lý dự án.

II. Phương án vay lại và trả nợ vay của dự án

1. Nguồn vốn đầu tư và cơ chế tài chính: Tổng vốn đầu tư là 19,185 triệu USD, tương đương 441,256 tỷ đồng; trong đó:

a) Vốn vay IFAD: 10 triệu USD, tương đương khoảng 230 tỷ đồng, chiếm 52,12% trên tổng vốn đầu tư dự án (bao gồm: Ngân sách Trung ương vay cấp phát 09 triệu USD, tương đương 207 tỷ đồng; ngân sách địa phương vay lại 01 triệu USD, tương đương 23 tỷ đồng).

b) Vốn viện trợ không hoàn lại (GCF): 5,5 triệu USD, tương đương khoảng 126,5 tỷ đồng, chiếm 28,67% trên tổng vốn đầu tư dự án.

c) Vốn đối ứng của ngân sách nhà nước: 3,685 triệu USD, tương đương 84,756 tỷ đồng, chiếm 19,21% trên tổng vốn đầu tư dự án (bao gồm: Chi đầu tư phát triển: 2,697 triệu USD, tương đương 62,040 tỷ đồng; chi sự nghiệp: 0,988 triệu USD, tương đương 22,716 tỷ đồng).

2. Phương án sử dụng vốn vay

a) Phương án sử dụng vốn vay: Vốn vay IFAD của dự án thực hiện tại tiểu hợp phần 2.2. Thiết lập và vận hành cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu phục vụ cho chuỗi giá trị và các hoạt động bảo vệ rừng cụ thể như sau:

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức		Nguồn vốn vay IFAD		Nguồn vốn đối ứng NS địa phương	
		(Triệu đồng)	(Triệu USD)	(Triệu đồng)	(Triệu USD)	(Triệu đồng)	(Triệu USD)
1	Chi phí xây dựng	248.400	10,800	230.000	10,00	18.400	0,800
2	Chi phí quản lý dự án	3.018	0,131			3.018	0,131
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	16.047	0,698			16.047	0,698
4	Chi phí khác	3.410	0,148			3.410	0,148
5	Chi phí dự phòng	21.165	0,920			21.165	0,920
	TỔNG CỘNG	292.040	12,697	230.000	10,00	62.040	2,697

b) Kế hoạch giải ngân vốn vay:

Năm	Tỉ lệ rút vốn	Giải ngân vốn vay (Triệu USD)			Giải ngân vốn vay (Triệu đồng)		
		Địa phương vay lại	NSTW cấp phát	Tổng	Địa phương vay lại	NSTW cấp phát	Tổng
2025	30%	300	2.700	3.000	6.900	62.100	69.000
2026	40%	400	3.600	4.000	9.200	82.800	92.000
2027	30%	300	2.700	3.000	6.900	62.100	69.000
Cộng	100%	1.000	9.000	10.000	23.000	207.000	230.000

3. Phương án trả nợ

Đồng tiền cho vay bằng USD, mức lãi suất tham chiếu của IFAD đối với các khoản vay bằng USD ở mức khoảng 5,93% (4,29 + 1,64%) dành cho Việt Nam; phí quản lý cho vay lại ở mức 0,25%/năm tính theo dư nợ vay lại¹. Thời hạn vay 25 năm, trong đó 5 năm ân hạn; trả gốc và lãi định kỳ 2 lần trong năm (tháng 6 và tháng 12).

¹ Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ.

Phương án hoàn trả vốn vay và lãi vay IFAD đối với khoản vay lại
(Lãi suất tạm tính: 4,29%/năm + chênh lệch biến đổi 1,64% + phí vay lại 0,25%)

Năm	Kế hoạch rút vốn		Tháng 6 hàng năm				Tháng 12 hàng năm				Dư nợ vốn vay	
			Kế hoạch trả nợ gốc		Kế hoạch trả lãi, phí vay lại		Kế hoạch trả nợ gốc		Kế hoạch trả lãi, phí vay lại			
	Triệu đồng	USD '000	Triệu đồng	USD '000	Triệu đồng	USD '000	Triệu đồng	USD '000	Triệu đồng	USD '000	Triệu đồng	USD '000
2025	6.900	300							207	9	6.900	300
2026	9.200	400			207	9			207	9	16.100	700
2027	6.900	300			506	22			506	22	23.000	1.000
2028					713	31			713	31	23.000	1.000
2029			-		713	31	-		713	31	23.000	1.000
2030			575	25	713	31	575	25	690	30	21.850	950
2031			575	25	667	29	575	25	667	29	20.700	900
2032			575	25	644	28	575	25	621	27	19.550	850
2033			575	25	598	26	575	25	575	25	18.400	800
2034			575	25	575	25	575	25	552	24	17.250	750
2035			575	25	529	23	575	25	506	22	16.100	700
2036			575	25	506	22	575	25	483	21	14.950	650
2037			575	25	460	20	575	25	437	19	13.800	600
2038			575	25	437	19	575	25	414	18	12.650	550
2039			575	25	391	17	575	25	368	16	11.500	500
2040			575	25	345	15	575	25	345	15	10.350	450
2041			575	25	322	14	575	25	299	13	9.200	400
2042			575	25	276	12	575	25	276	12	8.050	350
2043			575	25	253	11	575	25	230	10	6.900	300
2044			575	25	207	9	575	25	184	8	5.750	250
2045			575	25	184	8	575	25	161	7	4.600	200
2046			575	25	138	6	575	25	115	5	3.450	150
2047			575	25	115	5	575	25	92	4	2.300	100
2048			575	25	69	3	575	25	46	2	1.150	50
2049			575	25	46	2	575	25	23	1	0	0
CỘNG	23.000	1.000	11.500	500	9.614	418	11.500	500	9.430	410		

- Phương án trả nợ gốc: Việc trả nợ gốc được thực hiện trong 20 năm, bắt đầu từ năm 2029; tổng số tiền trả nợ gốc hàng năm là 1,150 tỷ đồng.

- Phương án trả lãi: Việc trả lãi được thực hiện trong 25 năm, bắt đầu từ tháng 12 năm 2025; lãi phải trả cho dự án được tính khi bắt đầu rút vốn vay lại, tổng số lãi phải trả cho dự án là 19,044 tỷ đồng.

- Phương án trả phí quản lý cho vay lại: Việc trả phí quản lý cho vay lại cho Bộ Tài chính được tính 0,25%/năm tính trên tổng số dư nợ vay lại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ.

* Nguồn kinh phí trả nợ cho khoản vay lại nêu trên được trích từ nguồn tăng thu, kết dư ngân sách tỉnh và dự toán hàng năm để trả nợ gốc, lãi và các loại phí liên quan bảo đảm theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khoá XI Kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 24 tháng 02 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hậu